TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 171/2017/ DS-PT
Ngày: 21 - 9 - 2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Lâm Sơn

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Nhiên

Ông Huỳnh Tài Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà: Ông Trịnh Văn Đương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2017/TLPT-DS ngày 24 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 42/2017/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 202/2017/QĐ-PT ngày 05 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Quách Thị T, sinh năm 1984. (Có đơn xin giải quyết vắng mặt)

HKTT: khu phố Đ, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Nơi ở hiện nay: khu phố T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1986. (Có mặt)

Địa chỉ: Địa chỉ: khu phố Đ, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

- *Người có nghĩa vụ liên quan:* Ông NLQ1, sinh năm 1981. (Có mặt)

Địa chỉ: khu phố Đ, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị L là bị đơn và ông NLQ1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Quách Thị T trình bày: Vào ngày 03/9/2013dl (nhằm ngày 28/7/2013 al) bà cho L vay số tiền 20.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 8%/tháng, thời hạn vay là 05 tháng. Việc vay nợ hai bên có làm hợp đồng vay tiền, bà L đã ký tên vào hợp đồng, trong biên nhận nợ có ghi tên ông là chồng bà L, nhưng lúc nhận tiền ông NLQ1 không có mặt, nên ông NLQ1 không có ký tên vào hợp đồng.

Sau khi vay, bà L đã đóng lãi cho bà được 5 tháng với số tiền là 8.000.000đ, sau đó bà L không đóng lãi và trả nợ gốc cho bà.

Nay bà yêu cầu vợ chồng bà L, ông NLQ1 phải trả cho bà số tiền vay gốc là 20.000.000đ và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 1.125%/tháng, tính từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Bà đồng ý trừ lại số tiền lãi mà bà L, ông NLQ1 đã trả là 8.000.000đ.

Bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà thừa nhận có vay của bà T số tiền 20.000.000 đồng với thời gian vay, lãi suất thõa thuận là đúng. Bà đã đóng lãi cho bà T được 8.000.000đ và đã trả cho bà T đủ 20.000.000đ tiền gốc sau khi đến thời hạn trả nợ mà hai bên thỏa thuận, do bà không biết chữ nên khi trả tiền cho bà T, bà không yêu cầu bà T viết biên nhận và cũng không thu lại hợp đồng vay tiền. Tại thời điểm vay tiền thì bà T nói số tiền cho vay là của anh C em của bà T, nhưng khi ký biên nhận nợ thì bà T là người trực tiếp đưa tiền cho bà và bà ký tên trong hợp đồng vay tiền, bà chỉ giao dịch với bà T chưa từng giáp mặt với anh C. Do đó, bà không yêu cầu Tòa án triệu tập anh C tham gia tố tụng.

Nay bà không đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của bà T

Ông NLQ1 là chồng của bà L trình bày: Ông thừa nhận vợ ông có vay của bà T số tiền 20.000.000đ như bà T trình bày. Mục đích vay số tiền này để làm vốn trồng khoai lang và làm lò đất. Sau khi đến hạn trả nợ, vợ ông đã trả đủ cho bà T cả gốc và lãi. Do đó, ông không đồng ý trả số tiền này cho bà T.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2017/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc bà Nguyễn Thị L, ông NLQ1 phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Quách Thị T tổng số tiền vay cả gốc và lãi là 22.125.000 đồng (Hai mươi hai triệu, một trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

- Bác ý kiến trình bày của bà L, ông NLQ1 cho rằng đã trả nợ xong cho bà T và không đồng ý trả nữa.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Ngày 13/7/2017 vợ chồng ông NLQ1 và bà Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết bác bỏ yêu khởi kiện của bà T, bác bỏ quyết định của bản án sơ thẩm của Tòa án huyện.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, phía nguyên đơn bà Quách Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt và trình bày ý kiến vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện.

Phía vợ chồng ông NLQ1, bà L vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến kết luận: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, Việc vay mượn nợ của bà T với số tiền 20.000.000 đồng đã được vợ chồng ông NLQ1, bà L thừa nhận. Bà L, ông NLQ1 cho rằng đã trả nợ xong cho bà T nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, trong khi phía nguyên đơn không thừa nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của vợ chồng ông NLQ1, bà L và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, của nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, phía nguyên đơn không có đơn kháng cáo và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét kháng cáo của vợ chồng ông NLQ1, bà L. Hội đồng xét xử xét thấy, trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay các bên đương sự đều thừa nhận vào ngày 03/9/2013dl bà T có cho bà L, ông NLQ1 vay số tiền 20.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 8%/tháng, thời hạn vay là 05 tháng, trong thời gian vay bà L, ông NLQ1 đã đóng lãi cho bà T với số tiền 8.000.000 đồng. Phía ông NLQ1, bà L khai nại cho rằng đã trả nợ gốc 20.000.000 đồng và đóng lãi đầy đủ xong cho bà T nên không đồng ý trả nợ. Tuy nhiên, tại giai đoạn sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay vợ chồng ông NLQ1, bà L vẫn không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời khai nại của mình là có cơ sở, trong khi phía nguyên đơn không thừa nhận. Do đó, căn cứ khoản 4 Điều 91 và điểm a, khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì việc Tòa án cấp sơ thẩm tính lại tiền lãi với mức lãi suất 1.125%/tháng và buộc ông NLQ1, bà L phải trả cho bà T số tiền gốc và lãi tổng cộng 22.125.000 đồng sau khi khấu trừ 8.000.000 đồng tiền lãi bà L đã đóng trong thời gian vay là hoàn toàn phù hợp quy định pháp luật.

Tuy nhiên, về phần áp dụng pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các Điều 463, 468 của BLDS năm 2015 của BLDS năm 2015 để giải quyết tranh chấp giữa các bên là chưa đúng theo quy định tại điểm c Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 cụ thể *" Giao dịch dân sự được thực hiện xong trước ngày Bộ luật này có hiệu lực mà có tranh chấp thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết"*. Như vậy, Giao dịch vay tiền giữa các bên đã được thực hiện xong trước ngày BLDS năm 2015 có hiệu lực pháp luật, nay có phát sinh tranh chấp. Lẽ ra phải áp dụng pháp luật quy định tại Điều 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết. Tuy nhiên, xét thấy việc sai sót trên của Cấp sơ thẩm cũng không làm thay đổi nội dung giải quyết vụ án nên hội đồng xét xử cần rút kinh nghiệm với Cấp sơ thẩm về vấn đề này.

Từ những nhận định nêu trên, trong thảo luận và nghị án, hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát là xử bác nội dung kháng cáo của vợ chồng ông NLQ1, bà L và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Buộc vợ chồng ông NLQ1, bà L mỗi người phải nộp 300.000 đồng do Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điểm c, d Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc bà Nguyễn Thị L, ông NLQ1 phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Quách Thị T tổng số tiền vay cả gốc và lãi là ***22.125.000 đồng (Hai mươi hai triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng).*** Trong đó gốc là 20.000.000 đồng, lãi 2.125.000 đồng.

- Bác ý kiến trình bày của bà L, ông NLQ1 cho rằng đã trả nợ xong cho bà T và không đồng ý trả nữa.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà L, ông NLQ1 chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thì bà L, ông NLQ1 còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2, Điều 468 BLDS năm 2015, tương ứng với thời gian chậm thi hành án, của số tiền phải thi hành án.

6. Về án phí dân sự:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc vợ chồng ông NLQ1 và bà Nguyễn Thị L liên đới chịu án phí giá ngạch bằng số tiền: 1.106.000 đồng (Một triệu một trăm lẽ sáu nghìn đồng).

Bà Quách Thị T được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 500.000đ theo biên lai thu tiền số 0009224, ngày 27/9/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Án phí phúc thẩm:

Buộc ông NLQ1 chịu 300.000 đồng, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông NLQ1 đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009031 ngày 13/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Buộc bà Nguyễn Thị L chịu 300.000 đồng, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà L đã nộp (do ông NLQ1 nộp thay) theo biên lai thu tiền số 0009130 ngày 21/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện H;
- THA dân sự huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Lê Lâm Sơn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Tài Đức **Nguyễn Thị Nhiên** **Lê Lâm Sơn**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện H;
- THA dân sự huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Lâm Sơn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Tài Đức **Nguyễn Thị Nhiên** **Lê Lâm Sơn**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện H;
- THA dân sự huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Lâm Sơn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Tấn **Phạm Đình Thi** **Lê Lâm Sơn**